VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2021/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Công trình dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;

b) Công trình dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay;

c) Công trình dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không;

d) Công trình dịch vụ kỹ thuật hàng không;

đ) Công trình dịch vụ suất ăn hàng không;

e) Công trình dịch vụ xăng dầu hàng không;

g) Các công trình dịch vụ phi hàng không.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các cảng hàng không, sân bay được đầu tư, xây dựng theo phương thức đối tác công tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư

1. Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế đối với dự án đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được phê duyệt (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất) từ 800.000.000.000 (tám trăm tỷ) đồng trở lên.

b) Có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này, trong đó có ít nhất một nhà đầu tư nước ngoài.

c) Không thuộc trường hợp theo quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều này.

2. Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước trong trường hợp:

a) Dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Dự án có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, trong đó không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

c) Dự án có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng đối với yêu cầu bảo đảm quốc phòng; ý kiến thống nhất của Bộ Công an đối với yêu cầu bảo đảm an ninh.

Điều 4. Các quy định chung trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

2. Đăng tải thông tin về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

3. Thời hạn đăng tải thông tin về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

4. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

5. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

6. Lưu trữ thông tin trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

7. Tổ chuyên gia: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Chương II
LẬP, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ DANH MỤC DỰ ÁN

Điều 5. Căn cứ lập danh mục dự án

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

2. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

Điều 6. Hồ sơ trình danh mục dự án

1. Cục Hàng không Việt Nam lập danh mục dự án, trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt.

2. Hồ sơ trình danh mục dự án bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt danh mục dự án;

b) Nội dung danh mục dự án bao gồm: tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m_1); phương án huy động vốn; thời hạn, tiến độ đầu tư; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, dự kiến nhu cầu sử dụng đất; yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các văn bản có liên quan (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định và phê duyệt danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư).

Điều 7. Công bố danh mục dự án

1. Cục Hàng không Việt Nam đăng tải danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu theo quy định tại các điểm i và l khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Nội dung công bố danh mục dự án bao gồm:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án; tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; diện tích khu đất; hiện trạng khu đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;

b) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

c) Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

d) Địa chỉ, số điện thoại, số fax của Cục Hàng không Việt Nam;

đ) Các thông tin khác (nếu cần thiết).

Điều 8. Chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 9. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo một trong hai trường hợp sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Bộ Giao thông vận tải ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 3 Thông tư này và giao Cục Hàng không Việt Nam là bên mời thầu;

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc thông báo kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án trong trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

Điều 10. Chấp thuận nhà đầu tư

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó bao gồm việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng (m_2), giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3) theo quy định tại Điều 15, 16 Thông tư này.

2. Hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư được phát hành cho nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm. Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo các nội dung của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư. Trong quá trình đánh giá, Cục Hàng không Việt Nam có thể mời nhà đầu tư đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

4. Nhà đầu tư được chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các nội dung của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư.

5. Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kết quả chấp thuận nhà đầu tư đáp ứng quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư.

Chương III
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 11. Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục dự án;

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi.

2. Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Hàng không Việt Nam lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt.

3. Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Văn bản trình duyệt, trong đó nêu tóm tắt về quá trình thực hiện và các nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Tên dự án.

2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m_1).

3. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư.

4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm.

5. Loại hợp đồng.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Thời gian thực hiện hợp đồng là số năm hoặc tháng tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Điều 13. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thẩm tra, đánh giá các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư này và lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Căn cứ báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ra quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư và bảng theo dõi tiến độ các hoạt động trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư để làm cơ sở tiến hành lựa chọn nhà đầu tư.

Chương IV
ĐẤU THẦU RỘNG RÃI LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1
QUY TRÌNH CHI TIẾT

Điều 14. Quy trình chi tiết

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi nhà đầu tư thực hiện tương tự như đối với quy trình đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Điều 46 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Mục 2
CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 15. Xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng (m_2)

1. Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án có trách nhiệm làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m_2) đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chi phí sơ bộ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần giải phóng mặt bằng (m_2) được xác định trên cơ sở quy định tại điểm i khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 16. Xây dựng giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3)

1. Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án có trách nhiệm làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để xây dựng giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3).

2. Giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3) được xác định theo công thức như sau:

$$m_3 = n \times (m : 49)$$

Trong đó:

- n: thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

- m: giá sàn nộp ngân sách nhà nước đối với dự án có thời hạn thuê đất 49 năm, được tính theo công thức quy định tại điểm k khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và Phụ lục V Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Giá trị này được xác định mang tính tương đối, là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 17. Lập hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

a) Danh mục dự án đã được công bố theo quy định;

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

c) Quy định hiện hành của pháp luật về hàng không, đất đai, đầu tư, xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu.

3. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Hồ sơ mời thầu được lập phải có đầy đủ các thông tin để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thông tin chung về dự án bao gồm: tên dự án; mục tiêu, quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án; tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; diện tích khu đất; hiện trạng khu đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;

b) Chỉ dẫn đối với nhà đầu tư: bao gồm thủ tục đấu thầu và bảng dữ liệu đấu thầu;

c) Yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án: các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan; yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án; yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư); yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không; yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án; các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật tại cảng hàng không, sân bay; các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay; các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư; các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án;

d) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, tài chính - thương mại và phương pháp đánh giá;

đ) Các biểu mẫu dự thầu bao gồm đơn dự thầu, đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính - thương mại, bảo đảm dự thầu, cam kết của tổ chức tài chính (nếu có) và các biểu mẫu khác;

e) Thời hạn cho thuê đất;

g) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư;

h) Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m_1) đã được phê duyệt trong danh mục dự án;

i) Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng (m_2);

k) Giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3);

l) Dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về thực hiện dự án; yêu cầu về khai thác, kinh doanh dịch vụ hàng không; thời gian thực hiện hợp đồng dự án, thời hạn cho thuê đất, thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; diện tích khu đất; các quy định áp dụng; thưởng phạt hợp đồng; trường hợp bất khả kháng; việc xem xét lại hợp đồng trong quá trình vận hành dự án và các nội dung khác.

Điều 18. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu

Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được cập nhật hoặc bổ sung (nếu cần thiết). Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.

2. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bao gồm các nội dung sau: chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt; quy mô dự án, phương án thiết kế; phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án; kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng; phương án giảm thiểu tác động môi trường; đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án

phối hợp với Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án để làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất xây dựng dự án cho Cảng vụ Hàng không; phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của cảng hàng không, sân bay; lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư; phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

Đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung sau: phương án bảo đảm đáp ứng các các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không; phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay; phương án phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay; phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không ổn định, liên tục, đạt chất lượng.

b) Phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó tùy thuộc vào quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể.

Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các nội dung quy định tại điểm a khoản này phải phù hợp với từng dự án cụ thể nhưng phải bảo đảm tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.

3. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại bao gồm: tiêu chuẩn về tổng chi phí thực hiện dự án (M_1); tiêu chuẩn về giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_1). đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng (M_2); tiêu chuẩn về hiệu quả đầu tư (M_3).

Trong đó:

- M_1 là tổng chi phí thực hiện dự án do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung m_1 được xác định trong hồ sơ mời thầu;

- M_2 là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung m_2 được xác định trong hồ sơ mời thầu.

Trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá trị M_2 thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn giá trị M_2 thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt, giá trị phần thiếu hụt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Nhà đầu tư sẽ được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền khấu trừ giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt vào tiền thuê đất nhưng không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại theo phương án được phê duyệt chưa được trừ vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- M_3 là giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

Sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước để đánh giá về tài chính - thương mại. Đối với các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về

kỹ thuật thì căn cứ vào đề xuất hiệu quả đầu tư để so sánh, xếp hạng. Hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền, ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M_3).

Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M_1) không thấp hơn m_1 ($M_1 \geq m_1$); giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_2) không thấp hơn m_2 ($M_2 \geq m_2$) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng; giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M_3) không thấp hơn giá sàn m_3 và cao nhất được xếp thứ nhất, được xem xét đề nghị trúng thầu.

Mục 3
TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu

Hồ sơ mời thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà đầu tư khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Đấu thầu.

Điều 20. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu

1. Thông báo mời thầu được đăng tải theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư này.

2. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư tham gia đấu thầu. Bên mời thầu đăng tải miễn phí và đầy đủ tệp tin (file) hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu được bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu thì nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 15 ngày (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

a) Đăng tải văn bản làm rõ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu; văn bản làm rõ phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

6. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu.

a) Bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Thông báo gia hạn bao gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

Điều 21. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

2. Bên mời thầu tiếp nhận hồ sơ dự thầu của tất cả các nhà đầu tư nộp trước thời điểm đóng thầu và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu.

3. Khi muốn sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị gửi đến bên mời thầu. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

4. Hồ sơ dự thầu hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại, trừ tài liệu làm rõ

hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Điều 22. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

1. Việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

2. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

3. Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của tất cả nhà đầu tư phải được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà đầu tư tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ký niêm phong.

Điều 23. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư để bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm, có phương án kỹ thuật, tài chính - thương mại khả thi để thực hiện dự án.

2. Việc đánh giá được thực hiện trên bản chụp, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác không nghiêm trọng giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác nghiêm trọng giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đó bị loại.

3. Khi đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính - thương mại của hồ sơ dự thầu để xác định hồ sơ dự thầu không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó:

a) Sai khác là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Đặt điều kiện là việc nhà đầu tư đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;

c) Bỏ sót nội dung là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu.

4. Với điều kiện hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu, bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong hồ sơ dự thầu. Trong đó, những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ:

a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi và yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

b) Gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với hồ sơ mời thầu đối với quyền hạn của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng;

c) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;

5. Hồ sơ dự thầu không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong hồ sơ dự thầu nhằm làm cho hồ sơ dự thầu trở thành đáp ứng cơ bản.

Điều 24. Nguyên tắc làm rõ hồ sơ dự thầu

1. Sau khi mở thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu khi bên mời thầu có yêu cầu.

2. Sau khi đóng thầu, bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư khi nhà đầu tư phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ dự thầu. Các tài liệu này được coi là một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ đối với các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực,

kinh nghiệm của nhà đầu tư tham dự thầu. Việc làm rõ đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính - thương mại nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp.

4. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Mục 4
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Điều 25. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; đề xuất về kỹ thuật; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

b) Có đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật hợp lệ;

c) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

d) Có bảo đảm dự thầu hợp lệ;

đ) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất về kỹ thuật với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

e) Có thỏa thuận liên danh hợp lệ đối với trường hợp liên danh;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

4. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về kỹ thuật.

5. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu.

Điều 26. Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

1. Bên mời thầu thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

2. Bên mời thầu thông báo danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính - thương mại.

Mục 5
MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI

Điều 27. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại

1. Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở công khai theo thời gian, địa điểm ghi trong thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

2. Đại diện bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất tài chính - thương mại.

Điều 28. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại:

Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

b) Có đơn dự thầu đề xuất về tài chính - thương mại hợp lệ;

c) Giá trị ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu (bao gồm: tổng chi phí thực hiện dự án do nhà đầu tư đề xuất (M1); giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do nhà đầu tư đề xuất (M2) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng; đề xuất giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền, ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3); đề xuất tăng giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu có);

d) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

3. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về tài chính - thương mại. Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại và xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

4. Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét, phê duyệt. Trong báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau đây:

a) Danh sách xếp hạng nhà đầu tư;

b) Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư;

c) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

Điều 29. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu

Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ.

2. Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.

3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.

4. Có giá trị đề nghị trúng thầu bao gồm các thành phần đáp ứng yêu cầu sau:

a) Có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M_1) không thấp hơn m_1 được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu;

b) Có đề xuất giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng (M_2) không thấp hơn m_2 được xác định trong hồ sơ mời thầu;

c) Có đề xuất giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M_3). không thấp hơn giá sàn m3 và cao nhất.

Mục 6
TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ; ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Điều 30. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư

1. Việc trình, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia;

b) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được phê duyệt bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô đầu tư của dự án;

b) Tên nhà đầu tư trúng thầu;

c) Tiến độ thực hiện dự án;

d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất;

đ) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư;

e) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất);

g) Tổng số tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư;

h) Các nội dung khác (nếu có).

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, trong văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

4. Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu phải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư này; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Thông tin quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;

c) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

5. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư quyết định thành lập doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án. Việc tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và hợp đồng dự án.

Điều 31. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu mời nhà đầu tư xếp thứ nhất đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà đầu tư;

c) Hồ sơ mời thầu.

3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

b) Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.

4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án;

c) Đàm phán về tiến độ bàn giao mặt bằng xây dựng; tiến độ nhà đầu tư chuyển giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền;

d) Đàm phán về kế hoạch triển khai đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không;

đ) Đàm phán trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án và kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

e) Đàm phán về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong hồ sơ dự thầu đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

Điều 32. Ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án

1. Nguyên tắc ký kết hợp đồng:

a) Giá trị đề nghị trúng thầu (tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước do nhà đầu tư trúng thầu đề xuất trong trong hồ sơ dự thầu) là giá trị ký kết hợp đồng;

b) Chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư trúng thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu được ghi nhận tại hợp đồng;

c) Tiền thuê đất phải nộp xác định theo quy định của pháp luật về đất đai cộng với tiền nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư trúng thầu đề xuất được công nhận là giá thị trường tại thời điểm cho thuê đất trong hợp đồng;

2. Việc ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72 và 73 của Luật Đấu thầu.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, bên mời thầu có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung công khai thông tin sơ bộ gồm:

a) Tên dự án; số hiệu hợp đồng; thời điểm ký kết hợp đồng;

b) Tên, địa chỉ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tên, địa chỉ của nhà đầu tư;

d) Mục tiêu, quy mô của dự án;

đ) Tiến độ thực hiện dự án;

e) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất;

g) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất);

h) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư;

i) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 33. Triển khai thực hiện dự án

1. Sau khi hợp đồng được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_2) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng cho cơ quan quản lý đất đai của địa phương và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M_3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trình tự, thủ tục cho thuê đất; xác định tiền thuê đất đối với nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án):

a) Sau khi hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu đất thực hiện dự án đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, việc cho thuê đất cho nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt tiền thuê đất cho nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phải nộp tại thời điểm Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án quyết định cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) triển khai thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về hàng không, đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch và các pháp luật khác có liên quan.

Chương V
NỘI DUNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN CẤP THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 34. Thẩm định hồ sơ mời thầu

Hồ sơ và nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu thực hiện tương tự như đối với thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 75 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 35. Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Hồ sơ và nội dung thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện tương tự như đối với thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 76 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 36. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không trong công tác lựa chọn nhà đầu tư

1. Cục Hàng không Việt Nam:

a) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và danh sách xếp hạng nhà đầu tư;

b) Thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định tại Điều 75 của Luật Đấu thầu.

2. Cảng vụ hàng không:

a) Làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m_2) đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để xây dựng giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3).

Chương VI
XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 37. Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư và giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư

Thực hiện theo quy định tại các Điều 80, 81, 82, 83 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng chất lượng công trình giao thông, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2021.

2. Quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản mới đó./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

BẢNG THEO DÕI TIẾN ĐỘ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGTVT ngày 05/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay)

STT	Các hoạt động cơ bản trong lựa chọn nhà đầu tư	Thời gian thực hiện (theo kế hoạch)		Thời gian thực hiện (theo thực tế)		Số ngày chênh lệnh	
		Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)
1	Lập hồ sơ mời thầu						
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu						
3	Phê duyệt hồ sơ mời thầu						
4	Đánh giá hồ sơ dự thầu						
5	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư						
6	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư						
7	Các hoạt động khác (nếu có)						

PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM; YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGTVT ngày 05/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay)

Phụ lục này bao gồm:

1. Mẫu thông báo mời quan tâm thực hiện công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Mẫu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư đăng ký thực hiện công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

1. Mẫu thông báo mời quan tâm thực hiện công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

Cục Hàng không Việt Nam, địa chỉ:_____ *[Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương]* mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án ____ *[Ghi tên dự án theo danh mục dự án đã được phê duyệt]* với các thông tin như sau:

1. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án:

_____

2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất): _____

3. Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng: _____

4. Thời hạn, tiến độ đầu tư:

_____

5. Địa điểm thực hiện dự án:

_____

6. Diện tích khu đất:

_____

7. Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư:

_____

8. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

_____

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày từ ngày danh mục dự án được đăng tải]

9. Thông tin liên hệ:

- Cục Hàng Không Việt Nam

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

- Số fax:

- Các thông tin khác về dự án:

_____

10. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Đại diện của Cục Hàng không Việt Nam

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

2. Mẫu yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư đăng ký thực hiện công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Tên dự án:_____

[ghi tên dự án theo theo danh mục dự án được phê duyệt]

Ban hành kèm theo Quyết định số:_____

[ghi số và ngày ban hành quyết định phê duyệt danh mục dự án]

Chương I
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. NỘI DUNG MỜI QUAN TÂM

1. Cục Hàng không Việt Nam, địa chỉ_____ *[Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương]* mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án theo danh mục dự án được phê duyệt]*.

2. Thông tin về dự án:

Căn cứ nội dung danh mục dự án đầu tư được phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

- Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án:_____

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất):_____

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng:_____

- Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án:_____

- Thời hạn, tiến độ đầu tư: _____

- Địa điểm thực hiện dự án: _____

- Diện tích khu đất:_____

- Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:_____

- Hiện trạng khu đất:_____

- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư:

_____

- Các thông tin khác về dự án:_____

- Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:_____

[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày từ ngày danh mục dự án được đăng tải]

Mục 2. YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II.

Mục 3. LÀM RÕ YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Cục Hàng không Việt Nam bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

Mục 4. SỬA ĐỔI YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Cục Hàng không Việt Nam đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3.

Mục 5. NGÔN NGỮ SỬ DỤNG

Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Cục Hàng không Việt Nam và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau:__ *[Ghi cụ thể ngôn ngữ sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đấu thầu]*.

Mục 6. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ THỜI HẠN NỘP

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước_____ giờ, ngày_____ tháng____ năm____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, bảo đảm tối thiểu là 30 ngày từ ngày danh mục dự án đầu tư được đăng tải]*.

3. Cục Hàng không Việt Nam có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo quy định tại Mục 4 Chương này. Khi gia hạn, Cục Hàng không Việt Nam thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có) về thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Mục 7. SỬA ĐỔI, THAY THẾ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể thay thế hoặc sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án bằng cách nộp bổ sung các hồ sơ, tài liệu có liên quan trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Mục 8. LÀM RÕ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam. Tất cả yêu cầu làm rõ và phản hồi của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 9. THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Cục Hàng không Việt Nam đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, bao gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

Chương II
YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Phương pháp đánh giá:

a) Căn cứ quy mô, tính chất dự án để sử dụng một trong các phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư như sau:

- Phương pháp chấm điểm.

- Phương pháp sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

- Phương pháp kết hợp giữa chấm điểm và sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

b) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu không được thấp hơn 80% tổng số điểm năng lực, kinh nghiệm và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn 70% điểm tối đa của nội dung đó.

2. Tiêu chuẩn đánh giá:

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
I	***Năng lực tài chính của nhà đầu tư*** [(1)]	
1	Vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thu xếp cho dự án	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp [(2)]: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối*

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
		thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 30% - 50% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng m_1 (đối với dự án đã giải phóng mặt bằng) hoặc bằng tổng giá trị m_1 và m_2 (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng)]. Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.
2	Khả năng thu xếp vốn vay	Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu:__ *[ghi vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 50% - 70% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng m_1 (đối với dự án đã giải phóng mặt bằng) hoặc bằng tổng giá trị m_1 và m_2 (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng)]*.

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
		Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo tổng giá trị vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.
II	***Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư***	Nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh đã kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: - Đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không ít nhất tại__ cảng hàng không, sân bay *[ghi số cảng hàng không, sân bay tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]*. - Đã khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét tối thiểu__ năm *[ghi số năm hoạt động khai thác dịch vụ hàng chuyên ngành không tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]*. *(Tùy theo quy mô, tính chất dự án để quy định một trong hai điều kiện trên)*
III	***Điều kiện về vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay***	
1	Điều kiện cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không	- Vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu: 30 tỷ đồng Việt Nam. - Tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.
2	Điều kiện cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	Tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 tại Chương III.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

Chương III
CÁC BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện

2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

3. Mẫu số 03: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

3. Mẫu số 04: Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư

MẪU SỐ 01

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh(1)

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến:

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác(2)	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia(3)	Người đại diện theo pháp Luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác(4)
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]*		
	…..				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Đồng thời, nhà đầu tư phải nộp kèm theo bản sao văn bản thỏa

thuận giữa các thành viên liên danh về việc thực hiện dự án trong đó nêu rõ tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến.

Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

MẪU SỐ 02

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[(1)]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính [(2)]:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	(5) = (1) - (2) - (3) - (4)

b) Tài liệu đính kèm [(3)]

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thế liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự thầu (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bổ sung các thông tin phù hợp.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

MẪU SỐ 03

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày____ tháng____ năm____

1. Tôi là___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị[(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

MẪU SỐ 04

KINH NGHIỆM KINH DOANH, KHAI THÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét theo yêu cầu]

1. Kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ hàng không:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ hàng không thông qua Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho nhà đầu tư, bao gồm các nội dung sau:

a) Số và ngày cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

c) Cảng hàng không, sân bay nơi cung cấp dịch vụ.

d) Lĩnh vực dịch vụ hàng không được cung cấp.

đ) Phạm vi cung cấp dịch vụ.

2. Kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

c) Cảng hàng không, sân bay nơi khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

d) Lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành hàng không.

đ) Phạm vi khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

e) Số năm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- Yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai như bản sao công chứng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

PHỤ LỤC III
MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGTVT ngày 05/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay)

HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Tên dự án:_____

[ghi tên dự án theo danh mục dự án đã được phê duyệt]

Phát hành ngày:_____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định:_____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư]

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

Chương III. Biểu mẫu

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư và trao hợp đồng.

Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

Chương III. Biểu mẫu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSĐXCTNĐT	Hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư
HSYCCTNĐT	Hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 25/2020/NĐ-CP	Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Thông tin dự án; yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án

Cục Hàng không Việt Nam mời nhà đầu tư nhận HSYCCTNĐT dự án bao gồm các nội dung như sau:

I. Thông tin dự án:

- Tên dự án.

- Mục tiêu đầu tư.

- Quy mô đầu tư.

- Địa điểm thực hiện.

- Thời hạn, tiến độ đầu tư.

- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng.

- Diện tích, hiện trạng khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch.

- Các nội dung khác (nếu có).

II. Yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án

- Các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

- Yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư.

- Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.

- Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

- Yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng

không (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không sân bay).

- Yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.

- Các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật tại cảng hàng không, sân bay.

- Các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay.

- Các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư.

- Các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

2.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

2.2. Hạch toán tài chính độc lập.

2.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2.4. Nhà đầu tư tham dự thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu và khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được phê duyệt.

2.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Làm rõ, sửa đổi HSYCCTNĐT

3.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSYCCTNĐT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Cục Hàng không Việt Nam tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp HSĐXCTNĐT. Cục Hàng không Việt Nam phải làm rõ HSYCCTNĐT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên.

3.2. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYCCTNĐT thì Cục Hàng không Việt Nam phải tiến hành sửa đổi HSYCCTNĐT. Văn bản sửa đổi HSYCCTNĐT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSYCCTNĐT được gửi cho nhà đầu tư.

Mục 4. Khảo sát hiện trường

4.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng Cục Hàng không Việt Nam không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường.

4.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Cục Hàng không Việt Nam về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.

Mục 5. Ngôn ngữ của HSĐXCTNĐT

HSĐXCTNĐT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐXCTNĐT trao đổi giữa nhà đầu tư với Cục Hàng không Việt Nam được viết bằng:____ *[Trường hợp HSYCCTNĐT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSYCCTNĐT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSĐXCTNĐT căn cứ vào nội dung của bản HSYCCTNĐT bằng tiếng Anh".*

Mục 6. Thành phần của HSĐXCTNĐT

HSĐXCTNĐT do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm:

6.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư quy định tại Mục 7.1 CDNĐT.

6.2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

6.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

6.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

6.5. Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 9 CDNĐT.

6.6. Đề xuất về tài chính - thương mại và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

Mục 7. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

7.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu.

7.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III) phải được gửi cho Cục Hàng không Việt Nam cùng với đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

7.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

Mục 8. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư

8.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III - Biểu mẫu.

8.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III - Biểu mẫu.

Mục 9. Thành phần đề xuất về kỹ thuật

Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư bao gồm:

9.1. Đề xuất về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án.

9.2. Đề xuất về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Mục 10. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án

10.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án.

10.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Cục Hàng không Việt Nam có thể đánh giá phương án thực hiện dự án.

Mục 11. Thành phần đề xuất về tài chính - thương mại

11.1. Nhà đầu tư phải nộp đề xuất về tài chính - thương mại gồm Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

11.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYCCTNĐT trên cơ sở tổng chi phí thực hiện dự án, tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng và phần nộp ngân sách nhà nước do mình đề xuất.

11.3. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất tăng phần nộp ngân sách nhà nước thì có thể ghi trực tiếp trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải nêu rõ nội dung và cách thức tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo đề xuất về tài chính - thương mại tương ứng.

Mục 12. Đồng tiền dự thầu

Đồng tiền dự thầu là: _____

[Căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài, liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài].

Mục 13. Thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT

13.1. Thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT là…… ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSĐXCTNĐT.

13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT, Cục Hàng không Việt Nam đề nghị nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐXCTNĐT.

Mục 14. Quy cách HSĐXCTNĐT và chữ ký trong HSĐXCTNĐT

14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSĐXCTNĐT bao gồm: 01 bản gốc HSĐXCTNĐT và 05 bản chụp HSĐXCTNĐT. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐXCTNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐXCTNĐT.

14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

14.3. Bản gốc của HSĐXCTNĐT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXCTNĐT (nếu có) và các biểu mẫu khác được

lập theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSĐXCTNĐT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

14.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

Mục 15. Thời hạn nộp HSĐXCTNĐT

Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐXCTNĐT đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày *[ghi thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT]* theo địa chỉ sau:

Cục Hàng không Việt Nam - Số 119 Đường Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Mục 16. Đánh giá HSĐXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư

16.1. Đánh giá HSĐXCTNĐT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II - Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCTNĐT.

16.2. Trong quá trình đánh giá HSĐXCTNĐT, Cục Hàng không Việt Nam được mời nhà đầu tư đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSĐXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư nhằm chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSYCCTNĐT về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện và các nội dung cần thiết khác.

16.3. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính - thương mại của nhà đầu tư, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 17. Điều kiện chấp thuận nhà đầu tư

Nhà đầu tư được đề nghị chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

17.1. Có HSĐXCTNĐT hợp lệ.

17.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

17.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

17.4. Đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại.

Mục 18. Công khai kết quả chấp thuận nhà đầu tư

18.1. Sau khi có kết quả chấp thuận nhà đầu tư được phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam đăng tải thông tin về kết quả chấp thuận nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư đến nhà đầu tư. Văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô của dự án.

b) Tên nhà đầu tư chấp thuận.

c) Tiến độ thực hiện dự án.

d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất.

đ) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

e) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).

g) Tổng số tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư.

h) Các nội dung khác (nếu có).

18.2. Đồng thời với văn bản thông báo chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư, Cục Hàng không Việt Nam gửi dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến nhà đầu tư được chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

19.1. Tại thời điểm ký kết, HSĐXCTNĐT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực.

19.2. Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án. Trường hợp thực tế nhà đầu tư không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYCCTNĐT thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà đầu tư. Khi đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả chấp thuận nhà đầu tư.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

20.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo một trong các hình thức: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp

thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

20.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng dự án *[ghi cụ thể số ngày]*

20.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là____ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 1 - 3% tổng chi phí thực hiện dự án]*

20.4. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 12 Phần 2 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSYCCTNĐT.

20.5. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ngày kể từ khi công trình được hoàn thành và nghiệm thu]*.

20.6. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Triển khai thực hiện hợp đồng

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_2) đối với dự án chưa

giải phóng mặt bằng cho cơ quan quản lý đất đai của địa phương và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M_3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐXCTNĐT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT

1.1. Kiểm tra HSĐXCTNĐT

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXCTNĐT.

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXCTNĐT theo quy định tại Mục 6 CDNĐT.

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXCTNĐT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT

HSĐXCTNĐT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐXCTNĐT.

b) Có đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYCCTNĐT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

c) Thời hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

d) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu.

đ) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

e) Phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

a) Căn cứ quy mô, tính chất dự án để sử dụng một trong các phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư như sau:

- Phương pháp chấm điểm.

- Phương pháp sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

- Phương pháp kết hợp giữa chấm điểm và sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

b) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu không được thấp hơn 80% tổng số điểm năng lực, kinh nghiệm và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn 70% điểm tối đa của nội dung đó.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
I	***Năng lực tài chính của nhà đầu tư*** [(1)]	
1	Vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thu xếp cho dự án	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp [(2)]: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 30% - 50% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng* m_1 *(đối*

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
		với dự án đã giải phóng mặt bằng) hoặc bằng tổng giá trị m_1 và m_2 (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng)]. Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.
2	Khả năng thu xếp vốn vay	Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: __ *[ghi vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 50% - 70% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng m_1 (đối với dự án đã giải phóng mặt bằng) hoặc bằng tổng giá trị m_1 và m_2 (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng)]*. Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo tổng giá trị vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
II	***Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư***	Nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh đã kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: - Đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không ít nhất tại __ cảng hàng không, sân bay *[ghi số cảng hàng không, sân bay tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]*. - Đã khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét tối thiểu __ năm *[ghi số năm hoạt động khai thác dịch vụ hàng chuyên ngành không tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]*. *(Tùy theo quy mô, tính chất dự án để quy định một trong hai điều kiện trên)*
III	***Điều kiện về vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay***	
1	Điều kiện cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không	- Vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu: 30 tỷ đồng Việt Nam. - Tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.
2	Điều kiện cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	Tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 tại Chương III.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó tùy thuộc vào quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; thuyết minh về phương

thức tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

BẢNG 2: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
I	**Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án**			
1	Chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt			
2	Quy mô dự án, phương án thiết kế			
3	Phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án			
4	Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng			
5	Phương án giảm thiểu tác động môi trường			
6	Đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án để làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất xây dựng dự án cho Cảng vụ Hàng không.			
7	Phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của cảng hàng không, sân bay; lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư.			

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
8	Phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định			
9	Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư			
II	**Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay**			
1	Phương án bảo đảm đáp ứng các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không sân bay và các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng chứng minh đáp ứng các điều kiện đó).			
2	Phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay.			

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
3	Phương án phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ hàng không của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay			
4	Phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ hàng không ổn định, liên tục, đạt chất lượng			
	Tổng cộng (100%)			

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.

Mục 4. Đánh giá về tài chính - thương mại

Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M_1) không thấp hơn m_1 ($M_1 \geq m_1$), giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_2) không thấp hơn m_2 ($M_2 \geq m_2$) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M_3) cao nhất, được xếp thứ nhất và được xem xét đề nghị trúng thầu. Trong đó:

5.1. m_1 là sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án đã được phê duyệt trong danh mục dự án

5.2. m_2 là sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5.3. m_3 là giá sàn nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

5.4. M_1 là tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT. Phương án thực hiện dự án do nhà đầu tư xây dựng trên cơ sở phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án tại HSYCCTNĐT.

5.5. M_2 là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT căn cứ nội dung m_2 được xác định trong HSYCCTNĐT.

5.6. M_3 là giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình triển khai dự án, nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng phương án đã đề xuất, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu thực hiện dự án. Chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở quá trình triển khai thực tế nhưng phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án

6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư

9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật

10. Mẫu số 10: Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng

MẪU SỐ 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ [(1)]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư của dự án _____ *[ghi tên dự án]* do Cục Hàng không Việt Nam phát hành ngày _____ và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư số ____ ngày ___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có],* chúng tôi, _____ *[ghi tên nhà đầu tư]* cam kết thực hiện dự án__ *[Ghi tên dự án]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư với tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất): ____ *[ghi số tiền bằng số và bằng chữ];* chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng: ____ *[ghi số tiền bằng số và bằng chữ]* và giá trị nộp ngân sách nhà nước (ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành): _____ *[ghi số tiền bằng số và bằng chữ]*.

Hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo. Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

Chúng tôi cam kết[(2)]:

1. Chỉ tham gia trong một về hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình chấp thuận nhà đầu tư.

Hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực trong thời gian ngày *[ghi số ngày]*[(3)], kể từ ngày____ tháng____ năm_____ *[ghi ngày hết hạn nộp HSĐXCTNĐT]*[(4)].

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư[(5)]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(6)]*]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Cục Hàng không Việt Nam, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận và HSĐXCTNĐT bị loại.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT được tính kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYCCTNĐT.

(4) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

(5) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

(6) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSĐXCTNĐT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

MẪU SỐ 02

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày___ tháng___ năm____, tại_____

Tôi là ___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư],* là người đại diện theo pháp luật của_____ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại____ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho:____ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án___ *[ghi tên dự án]* do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Cục Hàng không Việt Nam trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCTNĐT, văn bản giải trình, làm rõ HSĐXCTNĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nếu được chấp thuận nhà đầu tư.]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[ghi tên nhà đầu tư]*. _____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do__ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày đến____ ngày____ (1). Giấy ủy quyền này được lập thành____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ_____ bản. Người được ủy quyền giữ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(2)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

MẪU SỐ 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số___ ngày___ tháng___ năm___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án ____ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình chấp thuận nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau *(có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):*

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Cục Hàng không Việt Nam trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCTNĐT, văn bản giải trình, làm rõ HSĐXCTNĐT;

- Ký các văn bản kiến nghị trong chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh [(1)] *[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
…				
Tổng			**....**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được chấp thuận nhà đầu tư;

- Hủy việc chấp thuận nhà đầu tư của dự án theo thông báo của Cục Hàng không Việt Nam.

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh (2)

[Ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 07 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

MẪU SỐ 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm____

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập công ty:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU SỐ 05

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN[(1)]

TT	Tên đối tác[(2)]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia[(3)]	Người đại diện theo pháp Luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác[(4)]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]*		
	…				

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

MẪU SỐ 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính[2]:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	(5) = (1) - (2) - (3) - (4)

b) Tài liệu đính kèm[3]

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự chấp thuận nhà đầu tư (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai tại HSĐXCTNĐT.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT tối đa 28 ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, Cục Hàng không Việt Nam bổ sung các thông tin phù hợp.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, Cục Hàng không Việt Nam có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

MẪU SỐ 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày____ tháng____ năm____

1. Tôi là_____ *[ghi tên]*, _____ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị[(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

MẪU SỐ 08

KINH NGHIỆM KINH DOANH, KHAI THÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc dự án đang xét theo yêu cầu]

1. Kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ hàng không:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ hàng không thông qua Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho nhà đầu tư, bao gồm các nội dung sau:

a) Số và ngày cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

c) Cảng hàng không, sân bay nơi cung cấp dịch vụ.

d) Lĩnh vực dịch vụ hàng không được cung cấp.

đ) Phạm vi cung cấp dịch vụ.

2. Kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

c) Cảng hàng không, sân bay nơi khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

d) Lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành hàng không.

đ) Phạm vi khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

e) Số năm khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- Yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai như bản sao công chứng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

MẪU SỐ 09

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCTNĐTKT, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSĐXCTNĐTKT, bao gồm các nội dung sau đây:

1. Đề xuất về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án:

- Chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt.

- Quy mô dự án, phương án thiết kế.

- Phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án.

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng.

- Phương án giảm thiểu tác động môi trường.

- Đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Cảng vụ Hàng không để làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất xây dựng dự án cho Cảng vụ Hàng không.

- Phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của cảng hàng không, sân bay; lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư.

- Phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định (đối với các công trình có yêu cầu về phòng chống cháy nổ).

- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

2. Đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

- Phương án bảo đảm đáp ứng các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp

luật về hàng không (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không sân bay và các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng chứng minh đáp ứng các điều kiện đó).

- Phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay.

- Phương án phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ hàng không của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay.

- Phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ hàng không ổn định, liên tục, đạt chất lượng.

MẪU SỐ 10

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CHƯA GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Nhà đầu tư cần nộp bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bằng cả bản in và bản điện tử (định dạng file excel hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel 2000 (được cập nhật) hoặc ứng dụng khác;

- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;

- Không có trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;

- Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;

- Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng.

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án theo hướng dẫn dưới đây, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể để xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong HSYCCTNĐT. Dự thảo hợp đồng bao gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

I. CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Liệt kê các văn bản pháp lý làm căn cứ ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:

- Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc triển khai dự án;

- Các nghị quyết hoặc quyết định phê duyệt các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương liên quan đến dự án;

- Các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Kê khai thông tin của các Bên ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Tên và chức vụ của người đại diện;

- Văn bản ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (nếu có).

b) Nhà đầu tư

- Tên doanh nghiệp (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp) (đối với trường hợp Nhà đầu tư

là doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

(Trường hợp một Bên ký kết là Nhà đầu tư nước ngoài, ghi tên, quốc tịch, giấy tờ chứng thực của Nhà đầu tư; số giấy phép thành lập, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, nếu có; địa chỉ, điện thoại, fax, họ và tên, chức vụ của người đại diện được ủy quyền).

c) Doanh nghiệp dự án (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án hợp thành một bên để ký kết hợp đồng dự án với cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

- Tên doanh nghiệp (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 1. Mục đích của hợp đồng dự án

Thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án về quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trong việc thực hiện các quy định tại hợp đồng dự án, quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Tại Điều này quy định định nghĩa và các từ viết tắt (nếu có) về các khái niệm được sử dụng trong hợp đồng dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của hợp đồng dự án.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Tại Điều này quy định các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng, bao gồm:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản đàm phán hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng;

6. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;

7. Hồ sơ mời thầu, và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu,;

8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 4. Ngôn ngữ

Tại Điều này quy định ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng: Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt trong trường hợp nhà đầu tư trúng thầu là nhà đầu tư trong nước. Trường hợp hợp đồng có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Khi hợp đồng được ký kết bằng hai ngôn ngữ thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Điều 5. Mục tiêu, phạm vi và quy mô của dự án

Tại Điều này quy định mục tiêu của dự án (các hạng mục công trình chính...); vị trí, diện tích và công năng của khu đất; quy mô dự án; phạm vi địa giới hành chính của khu đất để thực hiện dự án; tổng chi phí thực hiện dự án.

Điều 6. Địa điểm thực hiện dự án và diện tích thuê đất

Tại Điều này quy định địa điểm thực hiện dự án, diện tích thuê đất dự kiến của công trình dự án và các công trình liên quan (nếu có).

Điều 7. Yêu cầu thực hiện và khai thác dự án

Tại Điều này nêu rõ:

- Các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

- Yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư.

- Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.

- Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư).

- Yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn.... đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không sân bay).

- Yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.

- Các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật tại cảng hàng không, sân bay.

- Các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay.

- Các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Nhà chức trách hàng không, Người khai thác cảng trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không của nhà đầu tư.

- Các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án.

Điều 8. Doanh nghiệp dự án

Tại Điều này quy định các nội dung liên quan đến doanh nghiệp dự án. Trường hợp vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án thấp hơn mức vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết huy động, các Bên thỏa thuận lộ trình tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án, phù hợp với tiến độ triển khai dự án, pháp luật về doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án

Các trách nhiệm của nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án có thể được quy định trong hợp đồng bao gồm:

- Tuân thủ cam kết bố trí vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng) theo tiến độ trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt;

- Tuân thủ cam kết nộp ngân sách nhà nước theo giá trị, thời gian tại hợp đồng này;

- Thu xếp nguồn vốn để thực hiện dự án theo đúng tiến độ theo quy định tại hợp đồng;

- Thực hiện dự án theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; pháp luật điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là liên quan đến đất đai, môi trường và thuế; các quy định của pháp luật về hàng không;

- Đáp ứng các điều kiện về kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không;

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Các trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể được quy định trong hợp đồng bao gồm:

- Bàn giao mặt bằng khu vực dự án theo tiến độ quy định tại hợp đồng.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện dự án, bao gồm các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng và đất đai.

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 11. Nộp ngân sách nhà nước

Tại Điều này quy định:

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Cảng vụ Hàng không nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M_2) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng cho cơ quan quản lý đất đai của địa phương và giá trị nộp

ngân sách nhà nước bằng tiền (M_3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt thấp hơn giá trị M_2 thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn giá trị M_2 thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt, giá trị phần thiếu hụt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Nhà đầu tư sẽ được khấu trừ giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được duyệt vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng không vượt quá số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại theo phương án được duyệt chưa được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Điều 12. Tiền thuê đất phải nộp; thời hạn thuê đất

Tại Điều này quy định:

- Tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp được xác định và thu, nộp theo quy định của pháp luật về đất đai (theo chính sách và giá đất tại thời điểm có Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Thời hạn cho thuê đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 13. Cho nhà đầu tư thuê đất, bàn giao mặt bằng xây dựng

Tại Điều này quy định:

- Việc cho thuê đất cho nhà đầu tư áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Tiến độ bàn giao mặt bằng xây dựng.

Điều 14. Cổ vật phát hiện tại khu vực dự án

Tại Điều này quy định về việc phát hiện cổ vật tại khu vực dự án, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với các hiện vật này. Bất kỳ vật hóa thạch, cổ vật, công trình kiến trúc hoặc các hiện vật khác trong khu vực dự án có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng

hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà đầu tư không cho người của mình hoặc người khác lấy làm hư hỏng cổ vật được phát hiện. Nhà đầu tư phải thông báo ngay cho cơ quan nhà nước cố thẩm quyền về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý chất lượng công trình

Tại Điều này quy định nội dung; tiêu chuẩn chất lượng; quyền và nghĩa vụ các Bên trong việc quản lý chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 16. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường

Tại Điều này quy định:

- Nội dung; tiêu chuẩn về môi trường và an toàn; quyền và nghĩa vụ của các Bên trong việc thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện dự án và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường theo các quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhà đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Tại Điều này quy định giá trị, hình thức, thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng và trường hợp nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp và điều kiện điều chỉnh quy định của hợp đồng dự án.

2. Trình tự; thủ tục sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

Điều 19. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án

Tại Điều này nêu các điều kiện không cho phép nhà đầu tư chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án.

Điều 20. Vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng và cơ chế giải quyết

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng của từng Bên.

2. Cơ chế giải quyết trong từng trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng (ví dụ: Biện pháp khắc phục, đình chỉ việc thực hiện dự án, bồi thường thiệt hại; chấm dứt trước thời hạn hợp đồng...).

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong xử lý các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 21. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

Tại Điều này quy định về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Luật Đất đai và các quy định có liên quan.

Điều 22. Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng dự án và kết thúc hợp đồng dự án

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng dự án và các điều kiện để gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn của dự án hoặc hợp đồng dự án theo quy định và thỏa thuận cụ thể giữa các Bên;

3. Các trường hợp và điều kiện kết thúc hợp đồng dự án theo thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn;

4. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi kết thúc hợp đồng dự án theo đúng thời hạn đã thỏa thuận;

5. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn đã thỏa thuận; phương thức, thời hạn thanh toán, giá trị và phương pháp tính toán giá trị bồi thường thiệt hại do chấm dứt sớm của từng Bên;

6. Trình tự; thủ tục thanh lý hợp đồng trong các trường hợp kết thúc hợp đồng dự án nêu tại Điều này.

Điều 23. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan

Tại Điều này quy định Luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan đến việc thực hiện dự án.

Điều 24. Giải quyết tranh chấp

Tại Điều này quy định cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các Bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa nhà đầu tư; doanh nghiệp dự án với các bên có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Các sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp bất khả kháng và nguyên tắc xác định sự kiện bất khả kháng theo quy định của Bộ luật Dân sự và thỏa thuận giữa các Bên.

2. Quy định quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Bộ luật Dân sự.

Điều 26. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (nếu có)

Tại Điều này liệt kê các ưu đãi, hỗ trợ bảo đảm đầu tư, bao gồm:

- Các ưu đãi đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật khác có liên quan;

- Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư đặc thù của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương.

Điều 27. Hiệu lực hợp đồng dự án

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực và kết thúc hợp đồng dự án;

2. Thời gian, địa điểm ký kết, số bản hợp đồng và giá trị pháp lý của mỗi bản.

Điều 28. Những nội dung khác

Tại Điều này quy định các nội dung khác do các Bên thỏa thuận tùy thuộc vào lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

(Ví dụ: Quy định về chế độ báo cáo, bảo mật thông tin và các vấn đề khác).

IV. Các phụ lục và tài liệu kèm theo

Các phụ lục, văn bản, tài liệu kèm theo do các Bên thỏa thuận phù hợp với lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án.

MẪU SỐ 11

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày____ tháng___ năm____

Kính gửi: _____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư chấp thuận]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng.

Căn cứ Quyết định số____ ngày___ *[Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* của___ *[ghi tên người có thẩm quyền]* (sau đây gọi tắt là Người có thẩm quyền) về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án____ *[ghi tên dự án]*, Cục Hàng không Việt Nam xin thông báo người có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án____ *[ghi tên dự án]* với thông tin hợp đồng là_____ *[ghi giá trị tổng chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng; đề xuất nộp ngân sách nhà nước trong quyết định chấp thuận nhà đầu tư]* với thời gian thực hiện hợp đồng là____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định chấp thuận nhà đầu tư]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Người có thẩm quyền theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm_____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm _____ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 12 Phần 2 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư với số tiền là_____ và thời gian có hiệu lực là_____ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 13 CDNĐT của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu

trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư. Người có thẩm quyền sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày____ *[ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng]* mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Cục Hàng không Việt Nam

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU SỐ 12

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[(1)]

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm____

Kính gửi: _____ *[ghi tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng]*

(sau đây gọi tắt là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* là nhà đầu tư được chấp thuận để thực hiện dự án____ *[ghi tên dự án]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);[(2)]

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư *(hoặc hợp đồng)*, Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại_____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng [(3)]]*, xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là_____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 12 CDNĐT]*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là____ *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày_____ cho đến hết ngày____.[(4)]

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Cục Hàng không Việt Nam sẽ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của_____ [ghi tên nhà đầu tư] là nhà đầu tư được chấp thuận đầu tư dự án_____ [ghi tên dự án] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số____ [ghi số hợp đồng] ngày___ tháng___ năm____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng; ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 20 CDNĐT.

(Xem tiếp Công báo số 993 + 994)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng